**03. Thủ tục*: Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội***

|  |  |
| --- | --- |
| **Trình tự thực hiện** | **Bước 1**. Tổ chức, cá nhân trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum;  - Địa chỉ: 70 Lê Hồng Phong, phường Quyết Thắng, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum;  - Thời gian: Sáng: từ 07giờ30’ đến 10giờ30’; Chiều: từ 13giờ30’ đến 16giờ30’các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định).  **Bước 2.** Công chức làm nhiệm vụ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum kiểm tra tính đầy đủ và đúng quy định của hồ sơ:  - Trường hợp hồ sơ đầy đủ và đúng quy định thì tiếp nhận hồ sơ, *(đồng thời phát hành 02 liên Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả / 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, 01 liên chuyển kèm theo Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ và được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum);*  - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ thông qua việc phát hành và giao Phiếu yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ;  - Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định thì không tiếp nhận hồ sơ *(đồng thời phát hành 02 liên Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ/ 01 liên giao cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ, một liên được lưu tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum).*  **Bước 3.** Tổ chức, cá nhân nộp lại Giấy hẹn trả kết quả và nhận kết quả giải quyết trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Kon Tum hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích.  - Thời gian: Từ 07giờ30’ đến 10giờ30’ và từ 13giờ30’ đến 16giờ30’ các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ hoặc ngày làm việc bù theo quy định). |
| **Cách thức thực hiện** | Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công. |
| **Thành phần, số lượng hồ sơ** | *a) Thành phần hồ sơ bao gồm:*  - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư *(bản chính - theo mẫu I.1).*  - Giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý *(đối với nhà đầu tư là tổ chức).* Chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu *(đối với nhà đầu tư là cá nhân)* *(bản sao).*  - Đề xuất dự án đầu tư *(bản chính - theo mẫu I.2).*  - Một trong các tài liệu sau *(bản sao)*:  + Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư;  + Cam kết hỗ trợ tài chính của Công ty mẹ;  + Cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính;  + Bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư;  + Tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.  - Đề xuất nhu cầu sử dụng đất *(bản gốc)*. Trường hợp dự án án không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản thỏa thuận thuê địa điểm hoặc tài liệu khác xác nhận nhà đầu tư có quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư *(bản sao).*  - Giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án quy định có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ *(nếu có)* gồm các nội dung: tên công nghệ, xuất xứ công nghệ, sơ đồ quy trình công nghệ; thông số kỹ thuật chính, tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ chính *(bản chính)*.  - Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh *(bản sao)*;  - Phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư (Nếu có) *(bản sao)*.  - Đánh giá sơ bộ tác động môi trường, các giải pháp bảo vệ môi trường *(bản chính)*.  - Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án *(bản chính)*.  - Đề xuất cơ chế, chính sách đặc thù *(bản chính - nếu có)*.  *b) Số lượng hồ sơ:* 21 bộ. |
| **Thời hạn giải quyết** | - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ dự án đầu tư, Ban quản lý khu kinh tế gửi hồ sơ dự án đầu tư cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ thành lập Hội đồng thẩm định nhà nước.  - Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày thành lập, Hội đồng thẩm định nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ dự án đầu tư và lập báo cáo thẩm định trình Chính phủ.  - Chậm nhất 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi Hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư đến cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội.  - Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư tại kỳ họp. |
| **Đối tượng thực hiện** | Nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân). |
| **Cơ quan thực hiện** | - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Quốc hội  - Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh.  - Cơ quan phối hợp: Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng thẩm định nhà nước; Các đơn vị, địa phương có liên quan. |
| **Kết quả** | Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư hoặc văn bản không chấp thuận dự án đầu tư. |
| **Lệ phí** | Không. |
| **Tên mẫu đơn, tờ khai** | - Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư *(Mẫu I.1-Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).*  - Đề xuất dự án đầu tư *(Mẫu I.2- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT).* |
| **Yêu cầu, điều kiện** | - Đáp ứng đầy đủ các nội dung thẩm định tại Khoản 6 Điều 33 và Khoản 6 Điều 35 Luật Đầu tư *(có phụ lục đính kèm)*.  - Nhà đầu tư có dự án đầu tư thuộc Danh mục ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại Luật Đầu tư số 03/2016/QH14 *(có phụ lục đính kèm)* phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 9, Nghị định số 118/2015/NĐ-CP *(có phụ lục đính kèm)* và điều kiện của pháp luật chuyên ngành dự án đầu tư (nếu có).  - Đối với nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 2 và Điều 10 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, gồm:  + Điều kiện về tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế;  + Điều kiện về hình thức đầu tư;  + Điều kiện về phạm vi hoạt động đầu tư;  + Điều kiện về đối tác Việt Nam tham gia thực hiện hoạt động đầu tư;  + Điều kiện khác theo quy định tại các luật, pháp lệnh, nghị định và điều ước quốc tế về đầu tư. |
| **Căn cứ pháp lý** | *-**Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014.*  *- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, ngày 12/11/2015 của Chính phủ.*  *- Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT, ngày 18/11/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.* |

**Mẫu I.1**

**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư**

*(Điều 33, 34, 35, 37 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
----------------**

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Kính gửi: ……….. *(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)*

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**I. NHÀ ĐẦU TƯ**

**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

*a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:*

Họ tên: …………………Giới tính: ………

Sinh ngày: …….../ / ………….Quốc tịch: ……………………….

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác *(nếu không có CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu)*:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: …………………………………………………………

Chỗ ở hiện tại: ……………………………………………………………

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email: ………………………

*b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:*

Tên doanh nghiệp/tổ chức: ........................................................................

Quyết định thành lập hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/doanh nghiệp hoặc mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương: ......................................

Ngày cấp: ................................................Cơ quan cấp:..................................

Địa chỉ trụ sở: .............................................................................................

Điện thoại: ……………Fax: ……………… Email: ……… Website: ……

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức*(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam)*:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư nước ngoài** | **Quốc tịch** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  |  |  |  |  |  |

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh *(chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):*...............

***Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:***

Họ tên: ………………………………Giới tính:

Chức danh:…………………Sinh ngày: …….../…../…….Quốc tịch: .

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú: …………………..…………………………………..

Chỗ ở hiện tại: ……………………………………………………………

Điện thoại: …………….Fax: ……………….Email: ………………………

**2. Nhà đầu tư tiếp theo:**thông tin kê khai tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất

**II.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP***(đối với nhà ĐTNN đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)*

**1. Tên tổ chức kinh tế:** …………………………..

**2. Loại hình tổ chức kinh tế:**……………………….

**3. Vốn điều lệ:**……..*(bằng chữ)*đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ

**4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  |  |  |  |  |

**III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**Tên dự án đầu tư**: ....................................................................

Nội dung chi tiết theo văn bản đề xuất dự án đầu tư kèm theo

**IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT**

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

**V. HỒ SƠ KÈM THEO**

- Các văn bản quy định tại Khoản 1 Điều 33 hoặc Khoản 1 Điều 34 hoặc Khoản 1 Điều 35 hoặc Khoản 2 Điều 37Luật đầu tư *(tuỳ theo từng loại dự án, liệt kê cụ thể các văn bản gửi kèm theo)*.

- Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có):*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày ….. tháng …..năm……*  **Nhà đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**Mẫu I.2**

**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Áp dụng đối với dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư – Điều 33, 34, 35 Luật đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
----------------**

**ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư*

*Ngày .... tháng ... năm....)*

**I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ**

*(Ghi tên từng nhà đầu tư)*

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

**II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI NỘI DUNG SAU**

**1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án**:**............................................................

1.2. Địa điểm thực hiện dự án: …………………..

*(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô…, tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố)*.

**2. Mục tiêu dự án:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mục tiêu hoạt động** | **Tên ngành**  *(Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)* | **Mã ngành theo VSIC**  *(Mã ngành cấp 4)* | **Mã ngành CPC (\*)**  *(đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)* |
| 1 | *(Ngành kinh doanh chính)* |  |  |  |
| 2 | ………. |  |  |  |

*Ghi chú:*

*- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.*

*- (\*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà ĐTNN khi cấp GCNĐKĐT.*

**3. Quy mô đầu tư:**

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí:

- Công suất thiết kế: ……………………

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: ……………………….

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng *(m2 hoặc ha): …………*

- Quy mô kiến trúc xây dựng *(diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình,…):*

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên

**4. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất***(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đấttheoquy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

4.1. Địa điểm khu đất:

- Giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, ranh giới, vị trí địa lý);*

- Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất*(nếu có)*;

4.2. Cơ cấu hiện trạng sử dụng đất *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, có bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

4.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (*nêu rõ số lượng diện tích đất sử dụng, thời hạn, tỷ lệ nhu cầu sử dụng đất của từng hạng mục công trình*).

4.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4.5.Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai*.*

4.6. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư*(nếu có):*

**5. Vốn đầu tư:**

5.1. Tổng vốn đầu tư: …....*(bằng chữ)*đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ, trong đó:

a) Vốn cố định:...*(bằng chữ)*đồng và tương đương … *(bằng chữ)* đô la Mỹ.

Trong đó;

- Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư *(nếu có)*:

- Chi phí thuê đất, mặt nước,…:

- Chi phí xây dựng công trình:

- Chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu;

- Chi phí khác hình thành tài sản cố định.

- Chi phí dự phòng;

Cộng: ………………………..

b) Vốn lưu động: ….*(bằng chữ)*đồng và tương đương …… *(bằng chữ)* đô la Mỹ.

5.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án đầu tư*(ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư)*:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên nhà đầu tư** | **Số vốn góp** | | **Tỷ lệ (%)** | **Phương thức góp vốn (\*)** | **Tiến độ góp vốn** |
| **VNĐ** | **Tương đương USD** |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

(\*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,………*

b) Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (*vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,…)*và tiến độ dự kiến.

c) Vốn khác: …………..

**6. Thời hạn thực hiện/hoạt động của dự án:** *………….*

**7. Tiến độ thực hiện dự án***(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01(hoặc quý I)/2018):*Dự kiến tiến độ chuẩn bị đầu tư, đền bù giải phóng mặt bằng, thời hạn xây dựng, thời hạn vận hành sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ ….

**8. Nhu cầu về lao động***(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể):….*

**9. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án**

- Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ....).

- Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**10. Giải trình về sử dụng công nghệ:** *(áp dụng đối với dự án sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ - quy định tại điểm e, khoản 1, Điều 33 Luật đầu tư)*

- Tên công nghệ;

- Xuất xứ công nghệ;

- Sơ đồ quy trình công nghệ;

- Thông số kỹ thuật chính;

- Tình trạng sử dụng của máy móc, thiết bị và dây chuyền công nghệ;

- Giải trình khả năng đáp ứng các điều kiện về tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao;

- Dự kiến tiến độ thực hiện trình tự, thủ tục tiếp nhận, chuyển giao công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao, theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

**11. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài***(nếu có): …………*

**III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ** *(ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)*

**1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

**2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:...

**3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất.**

Cơ sở pháp lý của ưu đãi(*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)*:

**4. Đề xuất hỗ trợ đầu tư** *(nếu có)***:** ...............................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày ….. tháng …..năm……*  **Nhà đầu tư**  Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên,chức danh và đóng dấu *(nếu có)* |

**PHỤ LỤC**

**Luật đầu tư:**

**Điều 33:**

6. Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan đăng ký đầu tư lập báo cáo thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Nội dung báo cáo thẩm định gồm:

a) Thông tin về dự án gồm: thông tin về nhà đầu tư, mục tiêu, quy mô, địa điểm, tiến độ thực hiện dự án;

b) Đánh giá việc đáp ứng điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có);

c) Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch sử dụng đất; đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án;

d) Đánh giá về ưu đãi đầu tư và điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư (nếu có);

đ) Đánh giá căn cứ pháp lý về quyền sử dụng địa điểm đầu tư của nhà đầu tư. Trường hợp có đề xuất giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

e) Đánh giá về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án quy định tại điểm b khoản 1 Điều 32 của Luật này (Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ).

**Điều 35:**

6. Nội dung thẩm tra:

a) Việc đáp ứng tiêu chí xác định dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội;

b) Sự cần thiết thực hiện dự án;

c) Sự phù hợp của dự án với chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, quy hoạch sử dụng đất, tài nguyên khác;

d) Mục tiêu, quy mô, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, phương án giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường;

đ) Vốn đầu tư, phương án huy động vốn;

e) Tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội;

g) Cơ chế, chính sách đặc thù; ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có).

**Nghị định số 118/2015/NĐ-CP**

**Điều 9. Thực hiện quy định về ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện và điều kiện đầu tư kinh doanh**

1. Cá nhân, tổ chức kinh tế được quyền kinh doanh trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 Luật Đầu tư kể từ khi đáp ứng đủ điều kiện và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

2. Điều kiện đầu tư kinh doanh được áp dụng theo một hoặc một số hình thức sau đây:

a) Giấy phép;

b) Giấy chứng nhận đủ điều kiện;

c) Chứng chỉ hành nghề;

d) Chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp;

đ) Văn bản xác nhận;

e) Các hình thức văn bản khác theo quy định của pháp luật không được quy định tại các Điểm a, b, c, d và đ Khoản này;

g) Các điều kiện mà cá nhân, tổ chức kinh tế phải đáp ứng để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới các hình thức văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản này.

3. Mọi cá nhân, tổ chức đáp ứng điều kiện đầu tư kinh doanh đều có quyền được cấp các văn bản quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều này (sau đây gọi chung là giấy phép) hoặc được quyền thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này. Trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung giấy phép, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản cho cá nhân, tổ chức và nêu rõ lý do từ chối.

4. Trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính để được cấp giấy phép hoặc thực hiện các điều kiện quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp không phải ghi ngành, nghề kinh doanh có điều kiện tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.